

Bản án số: 215/2021/HS - ST
Ngày 27/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Kim.

Bà Nguyễn Thị Lại.

-Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 203/2021/TLST- HS ngày 03/12/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐXXST- HS ngày 13/12/2021 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1995.

Trú tại: Số nhà, Ngách, đường V, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 19/10/2021 đến ngày 25/10/2021. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957. Có mặt.

Trú tại: Số nhà ..., Ngách, đường V, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

-Người làm chứng:

1-Chị Võ Thị Kim C, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Trú tại: Số 10.... tòa N05 Ecohome, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

2-Anh Vũ Duy C, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2020, thông qua mạng xã hội Skype, chị Hoàng Thị H- sinh năm 1995, trú tại: tổ dân phố Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang có kết bạn với một tài khoản tên là “Jonh Patrick” tự nhận là người nước ngoài, đang sinh sống tại nước Syria; quá trình nói chuyện, người này nói muốn gửi một kiện hàng gồm giày dép, quần áo, huy chương về Việt Nam, nhờ chị H nhận hộ và được chị H đồng ý. Ngày 20/11/2020, người này thông báo hàng đã gửi về Việt Nam nhưng bị Hải quan tại thành phố Hồ Chí Minh giữ lại, nhờ chị H chuyển 50.000.000 đồng để thanh toán các chi phí lấy hàng ra, lấy được hàng sẽ trả chị H tiền. Do nghi ngờ là hình thức lừa đảo, không biết cách để lấy hàng ra nên chị H đã lên mạng xã hội Facebook sử dụng tài khoản “Hoàng H” vào hội nhóm “Giải đáp thủ tục Hải quan” đăng bài viết với nội dung “Có ai có thể lấy giúp một gói hàng gửi từ nước ngoài về đang bị giữ tại Hải quan được không?”. Khoảng 18 giờ cùng ngày 20/11/2020, Trần Văn T- sinh năm 1995, trú tại: số nhà , ngách, đường V, phường T, quận T, thành phố Hà Nội vào mạng xã hội Facebook thấy bài đăng trên hội nhóm của chị H, do T đang làm dịch vụ nhận vận chuyển hàng từ nước ngoài về Việt Nam và từ Việt Nam đi nước ngoài (logistic) tại Công ty H&C Logistic có địa chỉ: tòa nhà T, phường D, thành phố Hà Nội nên T đã dùng tài khoản Facebook “Trần T” của mình chủ động nhắn tin với chị H vào tài khoản Facebook “Hoàng H” qua ứng dụng Messenger, hỏi chị H thông tin về kiện hàng, nhằm giúp chị H lấy hàng như mong muốn và Trung sẽ được hưởng tiền hoa hồng. Quá trình nói chuyện, chị H nhờ Trung kiểm tra xem kiện hàng có thật hay không và có cách nào lấy được hàng ra khỏi Hải quan. Trung yêu cầu chị H cung cấp các thông tin về nguồn gốc kiện hàng, chị H đồng ý, chuyển tiếp email mà người nước ngoài gửi cho chị H từ địa chỉ email hhuong1124@gmail.com của chị Hoàng Thị H vào địa chỉ email Tranvantrungk20@gmail.com cho T. Sau khi kiểm tra thông tin các email do chị H gửi, do đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực logistic nên T biết rõ gói hàng chị H nói đến thực chất không có thật, không tồn tại (do có địa chỉ email từ nước ngoài gửi đến, không phải của Hải quan Việt Nam, yêu cầu đóng thuế để lấy hàng trên thực tế, H quan không bao giờ gửi mail về việc giữ hàng cho cá nhân). Lúc này, mặc dù biết không có sự tồn tại của kiện hàng nhưng do không có tiền chi tiêu cá nhân nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị H bằng thủ đoạn: Trung nói dối chị H là đã kiểm tra, xác nhận có kiện hàng như chị H cung cấp thông tin, kiện hàng hiện nay đang bị giữ tại Hải quan thành phố Hồ Chí Minh. Trung đã đưa ra thông tin gian dối có thể giúp chị Hương lấy kiện hàng ra nhưng mọi chi phí chị H phải chịu và yêu cầu chị H chuyển tiền để làm thủ tục lấy hàng cho T vào số tài khoản

19033267837011 của T được mở tại Ngân hàng Techcombank. Thực chất, sau khi chị H chuyển tiền, T sẽ chiếm đoạt số tiền này. Chị H tin tưởng nên đã đồng ý. T bảo chị H chuyển cho T số tiền 12.000.000 đồng, hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được tiền sẽ lấy được hàng ra cho chị H để chị H tin tưởng và đồng ý chuyển tiền. Ngày 20/11/2020, chị H đã dùng tài khoản ViettelPay số 9704229291167992 liên kết với tài khoản Ngân hàng Vietcombank của chị H số 0351001064239 để chuyển 12.000.000 đồng cho T qua số tài khoản số 19033267837011 của T cung cấp. Khoảng 03 ngày sau, chị H liên lạc hỏi T về việc lấy hàng, do muốn kéo dài thời gian nên T nói dối chị H là Hải quan đang gây khó khăn, chưa lấy được hàng. Chị H tin tưởng, nói với T tìm mọi cách để có thể lấy hàng ra, chị H sẵn sàng chi thêm tiền để làm thủ tục. Thấy chị H dễ tin người, sẵn sàng gửi thêm tiền nên T tiếp tục nói dối, lấy lý do việc lấy hàng gặp khó khăn do Hải quan không đồng ý và bảo chị H chuyển số tiền 18.000.000 đồng để làm thủ tục lấy kiện hàng. Do không có đủ tiền nên chị H thống nhất với T sẽ chuyển cho T 15.500.000 đồng để lấy hàng và được T đồng ý. Ngày 23/11/2020, chị H đã chuyển cho T số tiền 15.500.000 đồng (trong ngày 23/11/2020, chị H đã chuyển 03 lần, cụ thể: lần thứ nhất là 3.000.000 đồng, lần thứ hai là 2.500.000 đồng, lần thứ ba là 10.000.000 đồng). Sau đó, cùng với thủ đoạn như trên, T tiếp tục bảo chị H chuyển tiền cho T 02 lần vào ngày 24/11/2020 với số tiền 27.500.000 đồng (lần thứ nhất là 20.000.000 đồng, lần thứ hai là 7.500.000 đồng). Tổng cộng, trong các ngày 20/11/2020, ngày 23/11/2020 và ngày 24/11/2020, chị H đã chuyển cho T tổng số tiền 55.000.000 đồng. Đến hạn, thấy T không lấy được hàng như thỏa thuận, chị H liên tục hỏi, yêu cầu T phải lấy hàng, nhằm để chị H tin tưởng nên ngày 25/12/2020, T viết một “bản cam kết” có nội dung hứa hẹn đến 31/12/2020 sẽ giao kiện hàng cho chị H, nếu không giao hàng sẽ trả lại chị H toàn bộ số tiền 55.000.000 đồng. Tại thời điểm này, T xin nghỉ việc tại Công ty H&C Logistic; chị Võ Thị Kim C- sinh năm 1992, trú tại: phòng số 10..., tòa nhà N05 Ecohome, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (là Phó Giám đốc Công ty) có kiểm tra máy tính của T tại công ty thấy hiện lên màn hình máy tính có cuộc trò chuyện giữa Trung và chị Hương trên tài khoản Facebook của T nội dung liên quan đến việc chị H đòi tiền T (do T chưa đăng xuất tài khoản Facebook). Do trước đó, quá trình làm việc T đã nói dối chị C về việc thu hồi nợ của khách hàng, chị C nghi ngờ T cũng nói dối chị H để trốn tránh trả nợ cho chị H nên chị C đã dùng tài khoản Facebook “Kim C” của mình nhắn tin, nói với chị H qua tài khoản “Hoàng H” về việc có thể chị H đã bị T lừa.

Chị H, sau ngày 31/12/2020, thấy T không giao hàng như cam kết, lại được chị C thông báo nên chị H đã liên lạc với T nhiều lần để đòi tiền và T thừa nhận là đã lừa của chị H số tiền 55.000.000 đồng và T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền của chị H nên hứa sẽ trả lại tiền chị H sau. Sau nhiều lần liên lạc, T vẫn chưa trả tiền như đã hứa nên ngày 26/7/2021, chị H đã làm đơn trình báo Công an huyện Việt

Yên và cung cấp các ảnh chụp màn hình thể hiện nội dung nói chuyện, chuyển tiền cho T.

Ngày 19/10/2021, Trần Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, có ốp nhựa màu đen là chiếc điện thoại di động T dùng đăng nhập tài khoản Facebook nhắn tin, trao đổi với chị H nhằm chiếm đoạt tài sản của chị H. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại do T giao nộp, tại ứng dụng Ngân hàng Techcombank có thông tin chủ tài khoản của Trần Văn T, số tài khoản 19033267837011 phù hợp với tài khoản chị H chuyển tiền cho T. Tại ứng dụng Facebook đăng nhập tài khoản “Trần T” do T sử dụng còn lưu giữ một phần tin nhắn T nhắn tin nói chuyện với chị H qua tài khoản “Hoàng H” về việc chị H yêu cầu T trả tiền và T hứa hẹn sẽ trả tiền cho chị H. Cơ quan điều tra đã in sao các hình ảnh ra giấy A4 cho T ký, xác nhận. Cơ quan điều tra cũng cho T xem các ảnh chụp màn hình thể hiện nội dung nói chuyện, chuyển tiền giữa T và chị H do chị H cung cấp, T xác nhận là đúng.

Cơ quan điều tra đã có Công văn số 594 ngày 02/8/2021 đề nghị Ngân hàng Vietcombank- Chi nhánh Bắc Giang cung cấp sao kê giao dịch tài khoản số 0351001064... của chị H và Công văn số 595 ngày 02/8/2021, đề nghị Ngân hàng Techcombank- Chi nhánh Bắc Giang sao kê giao dịch tài khoản số 19033267837... của T. Kết quả các sao kê Ngân hàng đều thể hiện giao dịch phù hợp với thời gian, số tiền như T, chị H khai nhận.

Bản Cáo trạng số 209/CT- VKS ngày 30/11/2021 của VKSND huyện Việt Yên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử bị cáo Trần Văn T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 2 Điều 174- BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của VKS đã truy tố. Nay bị cáo thấy được tội lỗi của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKS sau khi phân tích tính chất của vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 – Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Văn T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 19/10/2021 đến 25/10/2021.

Không áp dụng khoản 5 Điều 174- Bộ luật hình sự để phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47- BLHS; điểm a khoản 2, Điều 106- BLTTHS.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone 11 Promax.

Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136- BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí buộc Trần Văn T phải chịu án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là thành khẩn, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án HDXX có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 20/11/2020, ngày 23/11/2020 và ngày 24/11/2020; Trần Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối, đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền, với tổng số tiền 55.000.000 đồng của chị Hoàng Thị H- sinh năm 1995, trú tại: tổ dân phố Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau: Ngày 20/11/2020, Trần Văn T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng của chị H. Ngày 23/11/2020, Trần Văn T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 15.500.000 đồng của chị Hoàng Thị H. Ngày 24/11/2020, Trần Văn T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 27.500.000 đồng của chị Hoàng Thị H. Cáo trạng số 209/CT- VKS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174- BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Trong vụ án này chỉ có một mình bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại nhiều lần với tổng số tiền 55.000.000đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy phải có mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 – Bộ luật hình sự với tình tiết "*Phạm tội 02 lần trở lên*".

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 – BLHS. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 54 – Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng khoản 5 Điều 174 để phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[7] Quá trình điều tra, ngoài số tiền 55.000.000 đồng chị H chuyển cho Trung để lấy kiện hàng, chị H còn chuyển cho T số tiền 6.000.000 đồng, quá trình điều tra chị H và T đều khai nhận đây là tiền chị H tự nguyện cho T vay, không liên quan đến hành vi phạm tội. Xét thấy đây là giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn T đã tác động gia đình bồi thường cho chị H. Ngày 21/10/2021, bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1957 (mẹ đẻ bị cáo T) đã thay T tự nguyện trả cho chị H số tiền 61.300.000 đồng. Đến nay chị H không yêu cầu bồi thường gì thêm, bà L không yêu cầu T phải trả lại tiền trên nên HĐXX không xem xét.

[9] Vật chứng của vụ án: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, có ốp nhựa màu đen do T giao nộp, quá trình điều tra xác định là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội cần được tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 – Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 19/10/2021 đến ngày 25/10/2021.

(2) Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47- BLHS; điểm a khoản 2, Điều 106- BLTTHS.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone 11 Promax.

(3) Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

(4) Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333, 334 - BLTTHS.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Văn Hợp